

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực hàng không

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ và Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực hàng không.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 53/2012/TT-BGTVT ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về Bảo vệ môi trường trong hoạt động hàng không dân dụng

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 như sau:

“Điều 19. Chế độ báo cáo

1. Người khai thác cảng hàng không, sân bay; người khai thác tàu bay; chủ cơ sở sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ hàng không, sân bay có trách nhiệm báo cáo Cảng vụ hàng không, Cục Hàng không Việt Nam về công tác bảo vệ môi trường tại cảng hàng không, sân bay, chi tiết báo cáo như sau:

a) Tên báo cáo: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường tại cảng hàng không, sân bay;

b) Nội dung báo cáo: Các nội dung liên quan đến công tác bảo vệ môi trường tại cảng hàng không, sân bay theo quy định tại Phụ lục 1, 2, 3 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo



bằng một trong các phương thức sau: gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax, qua hệ thống thư điện tử, hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật;

d) Tần xuất báo cáo: Định kỳ hàng năm;

đ) Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 18 tháng 12 hàng năm;

e) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Từ ngày 15 tháng 12 của năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo;

g) Mẫu đề cương báo cáo: Đối với Người khai thác cảng hàng không, sân bay theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này. Đối với Người khai thác tàu bay theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này. Đối với Chủ cơ sở sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ hàng không, sân bay theo quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Cảng vụ Hàng không Việt Nam có trách nhiệm báo cáo Cục Hàng không Việt Nam về tình hình công tác bảo vệ môi trường tại cảng hàng không sân bay, chi tiết báo cáo như sau:

a) Tên báo cáo: Báo cáo tình hình công tác bảo vệ môi trường tại cảng hàng không, sân bay;

b) Nội dung báo cáo: Các nội dung liên quan đến công tác bảo vệ môi trường tại cảng hàng không, sân bay theo quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau: gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax, qua hệ thống thư điện tử, hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật;

d) Tần xuất báo cáo: Định kỳ hàng năm;

đ) Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 20 tháng 12 hàng năm;

e) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Từ ngày 15 tháng 12 của năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo;

g) Mẫu đề cương báo cáo: Theo quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm Thông tư này.

3. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm báo cáo Bộ Giao thông vận tải về tình hình công tác bảo vệ môi trường trong lĩnh vực hàng không, chi tiết báo cáo như sau:

a) Tên báo cáo: Báo cáo tình hình công tác bảo vệ môi trường tại cảng hàng không, sân bay;

b) Nội dung báo cáo: Các nội dung liên quan đến công tác bảo vệ môi trường tại cảng hàng không, sân bay theo quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau: gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax, qua hệ thống thư điện tử, hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật;

d) Tần xuất báo cáo: Định kỳ hàng năm;

đ) Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 22 tháng 12 hàng năm;

e) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Từ ngày 15 tháng 12 của năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo;

g) Mẫu đề cương báo cáo: Theo quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm Thông tư này.”

2. Thay thế Phụ lục 1, 2, 3 ban hành kèm theo Thông tư 53/2012/TT-BGTVT ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động hàng không dân dụng tương ứng với Phụ lục 1, 2, 3 của Thông tư này.

3. Bổ sung Phụ lục 4, 5 vào Thông tư số 53/2012/TT-BGTVT ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động hàng không dân dụng tương ứng với Phụ lục 4, 5 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2013/TT-BGTVT ngày 25 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện chế độ kỷ luật lao động đặc thù đối với nhân viên hàng không

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 7 như sau:

“3. Người sử dụng nhân viên hàng không có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Cục hàng không Việt Nam về tình hình thực hiện chế độ kỷ luật lao động đặc thù đối với nhân viên hàng không, chi tiết báo cáo như sau:

a) Tên báo cáo: Báo cáo tình hình thực hiện chế độ kỷ luật lao động đặc thù đối với nhân viên hàng không;

b) Nội dung báo cáo: Các nội dung liên quan đến tình hình thực hiện chế độ kỷ luật lao động đặc thù đối với nhân viên hàng không bay theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo

bằng một trong các phương thức sau: gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax, qua hệ thống thư điện tử, hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật;

d) Tần xuất báo cáo: Định kỳ 06 tháng và hàng năm;

đ) Thời hạn gửi báo cáo: Đối với báo cáo định kỳ 06 tháng đầu năm trước ngày 20 tháng 6 của kỳ báo cáo. Đối với báo cáo định kỳ hàng năm trước ngày 20 tháng 12 của kỳ báo cáo. Báo cáo 06 tháng cuối năm được thay thế bằng báo cáo năm;

e) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Đối với báo cáo định kỳ 06 tháng đầu năm được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo. Đối với báo cáo định kỳ hàng năm tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo;

g) Mẫu đề cương báo cáo: Theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm Thông tư này.”

2. Bổ sung Phụ lục I vào Thông tư số 46/2013/TT-BGTVT ngày 25 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện chế độ kỷ luật lao động đặc thù đối với nhân viên hàng không tương ứng với Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về bảo trì công trình hàng không

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 10 như sau:

“2. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm xây dựng và thực hiện kế hoạch kiểm tra định kỳ hàng năm, kiểm tra đột xuất về công tác bảo trì công trình hàng không; tổng hợp, báo cáo Bộ Giao thông vận tải hàng năm hoặc báo cáo đột xuất khi Bộ Giao thông vận tải yêu cầu, chi tiết báo cáo như sau:

a) Tên báo cáo: Báo cáo tình hình thực hiện công tác bảo trì công trình hàng không;

b) Nội dung báo cáo: Các nội dung liên quan đến tình hình thực hiện công tác bảo trì công trình hàng không theo quy định tại Mẫu số 3 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau: gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax, qua hệ thống thư điện tử, hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật;

d) Tần xuất báo cáo: Định kỳ hàng năm;

đ) Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 20 tháng 12 hàng năm;

e) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Từ ngày 15 tháng 12 của năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo;

g) Mẫu đề cương báo cáo: Theo quy định tại Mẫu số 3 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.”

2. Bổ sung Mẫu số 3 vào Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 48/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về bảo trì công trình hàng không tương ứng với Phụ lục 7 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 43/2017/TT-BGTVT ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện an ninh hàng không

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 55 như sau:

“6. Tổng hợp, báo cáo Cục Hàng không Việt Nam kết quả thực hiện hoạt động đào tạo, huấn luyện an ninh hàng không, chi tiết báo cáo như sau:

a) Tên báo cáo: Báo cáo kết quả thực hiện hoạt động đào tạo, huấn luyện an ninh hàng không;

b) Nội dung báo cáo: Các nội dung liên quan đến kết quả thực hiện hoạt động đào tạo, huấn luyện an ninh hàng không theo quy định tại Phụ lục 3a ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau: gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax, qua hệ thống thư điện tử, hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật;

d) Tần xuất báo cáo: Định kỳ hàng năm;

đ) Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 20 tháng 12 hàng năm;

e) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Từ ngày 15 tháng 12 của năm trước kỳ báo cáo đến 14 tháng 12 của kỳ báo cáo;

g) Mẫu đề cương báo cáo: Theo quy định tại Phụ lục 3a ban hành kèm theo Thông tư này.”

2. Bổ sung khoản 4 Điều 56 như sau:

“4. Các doanh nghiệp, đơn vị trong ngành hàng không tổng hợp, báo cáo Cục Hàng không Việt Nam kết quả công tác huấn luyện kiến thức an ninh hàng không, chi tiết báo cáo như sau:

a) Tên báo cáo: Báo cáo kết quả công tác huấn luyện kiến thức an ninh hàng không;

b) Nội dung báo cáo: Các nội dung liên quan đến kết quả công tác huấn luyện kiến thức an ninh hàng không theo quy định tại Phụ lục 3b ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau: gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax, qua hệ thống thư điện tử, hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật;

d) Tần xuất báo cáo: Định kỳ hàng năm;

đ) Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 20 tháng 12 hàng năm;

e) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Từ ngày 15 tháng 12 của năm trước kỳ báo cáo đến 14 tháng 12 của kỳ báo cáo;

g) Mẫu đề cương báo cáo: Theo quy định tại Phụ lục 3b ban hành kèm theo Thông tư này.”

3. Bổ sung Phụ lục 3a, 3b vào Thông tư số 43/2017/TT-BGTVT ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện an ninh hàng không tương ứng với Phụ lục 8, 9 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Bãi bỏ điểm e khoản 1 Điều 56.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết Chương trình An ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 103 như sau:

“5. Các cơ quan, đơn vị quản lý khai thác thiết bị an ninh hàng không có trách nhiệm báo cáo Cục Hàng không Việt Nam về công tác quản lý thiết bị an ninh hàng không, chi tiết báo cáo như sau:

a) Tên báo cáo: Báo cáo công tác quản lý thiết bị an ninh hàng không;

b) Nội dung báo cáo: Các nội dung liên quan đến công tác quản lý thiết bị an ninh hàng không theo quy định tại Phụ lục XXVIII ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau: gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax, qua hệ thống thư điện tử, hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật;

d) Tần xuất báo cáo: Định kỳ hàng năm;

đ) Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày ngày 20 tháng 12 hàng năm;

e) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo;

g) Mẫu đề cương báo cáo: Theo quy định tại Phụ lục XXVIII ban hành kèm theo Thông tư này.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 104 như sau:

“5. Các cơ quan, đơn vị được trang bị vũ khí, công cụ hỗ trợ tổng hợp có trách nhiệm báo cáo Cục Hàng không Việt Nam về công tác quản lý vũ khí và công cụ hỗ trợ và đào tạo, huấn luyện về bảo quản, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ, chi tiết báo cáo như sau:

a) Tên báo cáo: Báo cáo công tác quản lý vũ khí và công cụ hỗ trợ và đào tạo, huấn luyện về bảo quản, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ;

b) Nội dung báo cáo: Các nội dung liên quan đến công tác quản lý vũ khí và công cụ hỗ trợ và đào tạo, huấn luyện về bảo quản, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ theo quy định tại Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau: gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax, qua hệ thống thư điện tử, hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật;

d) Tần xuất báo cáo: Định kỳ hàng năm;

d) Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày ngày 20 tháng 12 hàng năm;

e) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo;

g) Mẫu đề cương báo cáo: Theo quy định tại Phụ lục Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Thông tư này.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 107 như sau:

“3. Cảng vụ hàng không, người khai thác cảng hàng không, sân bay, hãng hàng không và các doanh nghiệp có chương trình, quy chế an ninh hàng không có trách nhiệm báo cáo Cục Hàng không Việt Nam về kết quả thực hiện công tác kiểm soát chất lượng an ninh hàng không, chi tiết báo cáo như sau:

a) Tên báo cáo: Báo cáo kết quả thực hiện công tác kiểm soát chất lượng an ninh hàng không;

b) Nội dung báo cáo: Các nội dung liên quan đến kết quả thực hiện công tác kiểm soát chất lượng an ninh hàng không theo quy định tại Phụ lục XXX ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo

bằng một trong các phương thức sau: gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax, qua hệ thống thư điện tử, hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật;

d) Tần xuất báo cáo: Định kỳ hàng năm;

đ) Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày ngày 20 tháng 12 hàng năm;

e) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo;

g) Mẫu đề cương báo cáo: Theo quy định tại Phụ lục Phụ lục XXX ban hành kèm theo Thông tư này.”

4. Bổ sung Phụ lục XXVIII, XXIX, XXX vào Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam tương ứng với Phụ lục 10, 11, 12 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 6. Điều khoản thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2020.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Giám đốc Cảng vụ hàng không, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Bộ trưởng Bộ GTVT (đề b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Các Thủ trưởng Bộ GTVT;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Công Thông tin điện tử Chính phủ;
- Công Thông tin điện tử Bộ Giao thông vận tải;
- Báo Giao thông, Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, VP (5b).



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Ngọc Đông

PHỤ LỤC 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số **28** /2020/TT-BGTVT ngày **29** tháng **10** năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

PHỤ LỤC 1

Mẫu đề cương báo cáo công tác bảo vệ môi trường tại cảng hàng không, sân bay của người khai thác cảng hàng không, sân bay

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ¹ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-...²

...³ ..., ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO

CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY CỦA NGƯỜI KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

Kính gửi:

- Cục Hàng không Việt Nam;
- Cảng vụ Hàng không miền

1. Thông tin chung

- Tên cảng hàng không, sân bay:
- Địa chỉ:
- Điện thoại: - Fax:
- Sơ đồ mặt bằng của cảng hàng không, sân bay:
- Sản lượng thông qua cảng hàng không trong năm:
- Các đơn vị thành viên:
- Lĩnh vực hoạt động:
- Quy mô hoạt động:
- Địa chỉ:
- Điện thoại: - Fax:
- Số lượng cán bộ theo dõi công tác môi trường (ghi cụ thể tên, đơn vị công tác, trình độ, chuyên ngành đào tạo, số điện thoại liên lạc).

2. Hiện trạng môi trường của cảng hàng không, sân bay

2.1. Liệt kê các nguồn thải chính: Khí thải, tiếng ồn, nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại của cảng hàng không, sân bay

2.2. Môi trường không khí, tiếng ồn

2.2.1. Kết quả quan trắc

2.2.2. Đánh giá hiện trạng môi trường không khí, tiếng ồn

2.3. Môi trường nước

2.3.1. Kết quả quan trắc

2.3.2. Đánh giá hiện trạng chất lượng nước mặt, nước ngầm, nguồn nước cấp, nước thải của cảng hàng không, sân bay

2.3.3. Hệ thống xử lý nước thải:

- Công nghệ xử lý; chi phí vận hành, xử lý; hiệu suất xử lý
- Đơn vị thu gom, xử lý nước thải
- Lượng nước xả thải (m^3 /ngày đêm): Nguồn thải, lưu lượng xả thải (m^3 /ngày đêm)
- Quy trình thu gom nước thải, xử lý nước thải, xả thải (có sơ đồ).

2.4. Chất thải rắn

2.4.1. Loại chất thải rắn

2.4.2. Khối lượng chất thải rắn

2.4.3. Đơn vị thu gom, xử lý chất thải rắn

2.4.4. Quy trình phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải rắn (có sơ đồ)

2.4.5. Đánh giá mức độ tác động môi trường của chất thải rắn phát sinh từ hoạt động của cảng hàng không, sân bay.

2.5. Chất thải nguy hại

2.5.1. Loại chất thải nguy hại

2.5.2. Khối lượng chất thải nguy hại

2.5.3. Đơn vị thu gom, xử lý chất thải nguy hại

2.5.4. Quy trình phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại (có sơ đồ);

2.5.5. Đánh giá mức độ tác động môi trường của chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của cảng hàng không, sân bay.

2.6. Chất thải rắn, lỏng người khai thác cảng hàng không thu gom từ tàu bay

2.6.1. Loại chất thải rắn từ tàu bay

2.6.2. Khối lượng chất thải rắn

2.6.3. Quy trình thu gom chất thải rắn từ tàu bay

2.6.4. Khối lượng chất thải lỏng từ tàu bay

2.6.5. Quy trình thu gom chất thải lỏng từ tàu bay.

2.7. Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được sử dụng tại cảng hàng không, sân bay

3. Tình hình quản lý môi trường của người khai thác cảng hàng không, sân bay

3.1. Các chính sách, quy định hiện hành có liên quan đến bảo vệ môi trường; Các giải pháp cụ thể đã được áp dụng trong bảo vệ và nâng cao chất lượng môi trường

3.2. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm không khí, nước thải, tiếng ồn; biện pháp quản lý chất thải rắn, nguy hại

3.3. Hiện trạng bản đồ tiếng ồn, chính sách tiếng ồn

3.4. Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

3.5. Hệ thống quản lý môi trường đang sử dụng

3.6. Bộ phận quản lý môi trường của người khai thác cảng hàng không, sân bay

- Cơ quan/bộ phận quản lý

- Cán bộ chuyên trách/kiêm nhiệm (ghi cụ thể tên, đơn vị công tác, trình độ, chuyên ngành đào tạo, số điện thoại liên lạc).

- 3.7. Kế hoạch phân bổ tài chính và sử dụng vốn đầu tư của cảng hàng không, sân bay đối với bảo vệ môi trường
 3.8. Kế hoạch bảo vệ môi trường hàng năm và đánh giá kết quả thực hiện
 3.9. Cập nhật hồ sơ công tác bảo vệ môi trường.

Nơi nhận:

-⁴;

-⁵;

Lưu: VT, ...⁵ ...⁶.

CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
*(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ
 ký số của cơ quan, đơn vị)*
Họ và tên

*** Ghi chú:**

¹ Tên cơ quan, đơn vị báo cáo;

² Chữ viết tắt tên cơ quan, đơn vị báo cáo;

³ Địa danh hành chính và ngày, tháng, năm cơ quan, đơn vị ban hành báo cáo;

⁴ Nơi nhận báo cáo;

⁵ Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu;

⁶ Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành.

PHỤ LỤC 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số **28** /2020 /TT-BGTVT ngày **29** tháng **10** năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

PHỤ LỤC 2

**Mẫu đề cương báo cáo công tác bảo vệ môi trường
tại cảng hàng không, sân bay của người khai thác tàu bay**

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ¹ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-...²

...³..., ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO
CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG,
SÂN BAY CỦA NGƯỜI KHAI THÁC TÀU BAY

Kính gửi:

- Cục Hàng không Việt Nam;
- Cảng vụ Hàng không miền.....

1. Thông tin chung

- Tên doanh nghiệp:
- Địa chỉ
- Điện thoại: - Fax:
- Đặc điểm khai thác
- Số lượng, loại tàu bay đang khai thác;
- Tuyến bay đang thực hiện (trong nước, quốc tế);
- Các cảng hàng không, sân bay đi/đến;
- Cảng hàng không, sân bay căn cứ;
- Lượng nhiên liệu tiêu thụ từng loại tàu bay;
- Sản lượng vận chuyển hành khách, hàng hóa trong năm.
- Các đơn vị thành viên
- Lĩnh vực hoạt động;
- Địa chỉ;
- Điện thoại: - Fax:

2. Thông tin chung về quản lý môi trường của người khai thác tàu bay

2.1. Quản lý tiếng ồn tàu bay, khí thải động cơ tàu bay

- Các giải pháp công nghệ, quy trình khai thác tàu bay nhằm giảm thiểu tiếng ồn, khí thải động cơ tàu bay đang và sẽ áp dụng;
- Các biện pháp, quy trình, quy định nhằm giảm thiểu tiếng ồn, khí thải động cơ tàu bay hoạt động tại cảng hàng không, sân bay đang và sẽ áp dụng;
- Tình trạng giấy chứng nhận tiếng ồn tàu bay: mức tiếng ồn áp dụng; giấy chứng nhận cấp lần đầu, cấp lại; cơ quan cấp;

- Các hoạt động khác có liên quan đến quản lý tiếng ồn, khí thải động cơ tàu bay.
- 2.2. Quản lý chất thải lỏng từ tàu bay tại lãnh thổ Việt Nam
 - Khối lượng chất thải lỏng
 - Đơn vị thu gom, xử lý chất thải lỏng từ tàu bay.
- 2.3. Chất thải rắn từ tàu bay tại lãnh thổ Việt Nam
 - Loại chất thải rắn từ tàu bay
 - Khối lượng chất thải rắn
 - Đơn vị thu gom, xử lý chất thải rắn
- 2.4. Quản lý chất thải nguy hại từ tàu bay tại lãnh thổ Việt Nam
 - Loại chất thải nguy hại từ tàu bay
 - Khối lượng chất thải nguy hại từ tàu bay
 - Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại từ tàu bay
 - Đơn vị thu gom, xử lý chất thải nguy hại từ tàu bay
- 2.5. Quy trình nội bộ thu gom, phân loại, quản lý chất thải từ tàu bay.
- 2.6. Bộ phận quản lý môi trường của doanh nghiệp
 - Cơ quan/bộ phận quản lý
 - Cán bộ chuyên trách/kiêm nhiệm (ghi cụ thể tên, đơn vị công tác, trình độ, chuyên ngành đào tạo, số điện thoại liên lạc)
- 2.7. Danh mục hoá chất sử dụng để diệt côn trùng và vệ sinh trong tàu bay
- 2.8. Quy định quy trình sử dụng từng loại hóa chất để diệt côn trùng, vệ sinh trong tàu bay
- 2.9. Hệ thống quản lý môi trường đang áp dụng
- 2.10. Chi phí cho quản lý môi trường của doanh nghiệp
- 2.11. Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được sử dụng để phun rải từ tàu bay .
- 2.12. Kế hoạch bảo vệ môi trường hàng năm của doanh nghiệp.
- 2.13. Cập nhật hồ sơ công tác bảo vệ môi trường.

Nơi nhận:

-⁴;
 -⁵;
 Lưu: VT, ...⁵ ...⁶.

CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ ký số của cơ quan, đơn vị)

Họ và tên

*** Ghi chú:**

- ¹ Tên cơ quan, đơn vị báo cáo;
- ² Chữ viết tắt tên cơ quan, đơn vị báo cáo;
- ³ Địa danh hành chính và ngày, tháng, năm cơ quan, đơn vị ban hành báo cáo;
- ⁴ Nơi nhận báo cáo;
- ⁵ Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu;
- ⁶ Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành.

PHỤ LỤC 3

(Ban hành kèm theo Thông tư số **28** /2020 /TT-BGTVT ngày **29** tháng **10** năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

PHỤ LỤC 3

Mẫu đề cương báo cáo công tác bảo vệ môi trường tại cảng hàng không, sân bay của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ tại cảng hàng không, sân bay

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ¹ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-...² ...³ ..., ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO
CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG,
SÂN BAY CỦA CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH, CUNG CẤP
DỊCH VỤ TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

Kính gửi:

- Cục Hàng không Việt Nam;
- Cảng vụ Hàng không miền

1. Thông tin chung

- Tên doanh nghiệp:
- Địa chỉ:
- Điện thoại: - Fax:
- Lĩnh vực hoạt động:
- Quy mô hoạt động:
- Các đơn vị thành viên:
- Địa chỉ
- Điện thoại: - Fax:

2. Hiện trạng môi trường của doanh nghiệp

2.1. Liệt kê các nguồn thải chính: nước thải, khí thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại, tiếng ồn của doanh nghiệp.

2.2. Môi trường không khí, tiếng ồn

2.2.1. Kết quả quan trắc (nếu có)

2.2.2. Đánh giá hiện trạng môi trường không khí, tiếng ồn

2.3. Môi trường nước

2.3.1. Kết quả quan trắc (nếu có)

2.3.2. Đánh giá hiện trạng chất lượng nước thải của doanh nghiệp.

2.3.3. Hệ thống xử lý nước thải:

- Công nghệ xử lý; chi phí vận hành, xử lý; hiệu suất xử lý.

- Đơn vị thu gom, xử lý nước thải của doanh nghiệp

- Lượng nước xả thải (m³/ngày đêm): Nguồn thải, lưu lượng xả thải (m³/ngày đêm).

- Quy trình thu gom nước mưa, nước thải, xử lý nước thải, xả thải (sơ đồ);

2.4. Chất thải rắn

2.4.1. Loại chất thải rắn

2.4.2. Khối lượng chất thải rắn

2.4.3. Đơn vị thu gom, xử lý chất thải rắn

2.4.4. Quy trình phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải rắn (sơ đồ);

2.4.5. Đánh giá mức độ tác động môi trường của chất thải rắn phát sinh từ hoạt động của doanh nghiệp.

2.5. Chất thải nguy hại

2.5.1. Loại chất thải nguy hại

2.5.2. Khối lượng chất thải nguy hại

2.5.3. Đơn vị thu gom, xử lý chất thải nguy hại Quy trình phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại (sơ đồ);

2.5.4. Đánh giá mức độ tác động môi trường của chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của doanh nghiệp.

2.6. Chất thải rắn, lỏng doanh nghiệp thu gom từ tàu bay

2.6.1. Loại chất thải rắn từ tàu bay

2.6.2. Khối lượng chất thải rắn

2.6.3. Quy trình thu gom chất thải rắn từ tàu bay

2.6.4. Khối lượng chất thải lỏng từ tàu bay

2.6.5. Quy trình thu gom chất thải lỏng từ tàu bay.

2.7. Danh mục thuốc bảo vệ thực vật sử dụng tại cảng hàng không, sân bay của doanh nghiệp.

3. Tình hình quản lý môi trường doanh nghiệp

3.1. Các chính sách, quy định hiện hành có liên quan đến bảo vệ môi trường; Các giải pháp cụ thể đã được áp dụng trong bảo vệ và nâng cao chất lượng môi trường

3.2. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm không khí, nước thải, tiếng ồn; biện pháp quản lý chất thải rắn, nguy hại

3.3. Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

3.4. Hệ thống quản lý môi trường đang sử dụng

- 3.5. Bộ phận quản lý môi trường của doanh nghiệp
- Cơ quan/bộ phận quản lý
 - Cán bộ chuyên trách/kiêm nhiệm (ghi cụ thể tên, đơn vị công tác, trình độ, chuyên ngành đào tạo, số điện thoại liên lạc)
- 3.6. Kế hoạch phân bổ tài chính và sử dụng vốn đầu tư của doanh nghiệp đối với bảo vệ môi trường
- 3.7. Kế hoạch bảo vệ môi trường hàng năm và đánh giá kết quả thực hiện
- 3.8. Cập nhật hồ sơ công tác bảo vệ môi trường.

Nơi nhận:

-⁴;

-⁵;

Lưu: VT,....⁵...⁶.

CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ ký số của cơ quan, đơn vị)

Họ và tên

*** Ghi chú:**

¹ Tên cơ quan, đơn vị báo cáo;

² Chữ viết tắt tên cơ quan, đơn vị báo cáo;

³ Địa danh hành chính và ngày, tháng, năm cơ quan, đơn vị ban hành báo cáo;

⁴ Nơi nhận báo cáo;

⁵ Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu;

⁶ Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành.

PHỤ LỤC 4

(Ban hành kèm theo Thông tư số **28** /2020 /TT-BGTVT ngày **29** tháng **10** năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

PHỤ LỤC 4

**Mẫu đề cương báo cáo công tác bảo vệ môi trường
tại cảng hàng không, sân bay của Cảng vụ hàng không**

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ ¹

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-...²

...³ ..., ngày ... tháng ... năm ...

**BÁO CÁO
CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY
CỦA CẢNG VỤ HÀNG KHÔNG**

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

1. Thông tin chung

- Tên Cảng vụ:
- Địa chỉ:
- Điện thoại: Fax:
- Danh mục các Cảng hàng không, sân bay thuộc trách nhiệm quản lý:
- Danh mục các cơ sở sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ tại Cảng hàng không, sân bay:

2. Kết quả công tác kiểm tra, giám sát công tác bảo vệ môi trường tại các cảng hàng không

3. Hiện trạng môi trường của các doanh nghiệp hoạt động tại cảng hàng không, sân bay

- 3.1. Hiện trạng về việc thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường/Kế hoạch bảo vệ môi trường/Đề án bảo vệ môi trường của các chủ dự án
- 3.2. Hiện trạng quản lý chất thải rắn sinh hoạt
 - 3.2.1. Các nội dung đã thực hiện (nguồn phát sinh, khối lượng, phân loại, tái chế, thu gom, vận chuyển, xử lý...)
 - 3.2.2. Các nội dung còn tồn tại
 - 3.2.3. Đánh giá mức độ tác động của chất thải rắn sinh hoạt

3.3. Hiện trạng quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

3.3.1. Các nội dung đã thực hiện (nguồn phát sinh, khối lượng, phân loại, tái chế, thu gom, vận chuyển, xử lý...)

3.3.2. Các nội dung còn tồn tại

3.3.3. Đánh giá mức độ tác động của chất thải rắn công nghiệp thông thường

3.4. Hiện trạng quản lý chất thải rắn nguy hại (CTNH)

3.4.1. Các nội dung đã thực hiện (nguồn phát sinh; số lượng; chủng loại; đăng ký chủ nguồn thải CTNH; thu gom, lưu giữ tạm thời CTNH, ký hợp đồng vận chuyển, xử lý CTNH, báo cáo quản lý CTNH định kỳ...)

3.4.2. Các nội dung còn tồn tại

3.4.3. Đánh giá mức độ tác động của CTNH

3.5. Hiện trạng môi trường nước

Nơi nhận:

-⁴;

-⁵;

Lưu: VT,....⁵...⁶.

CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ ký số của cơ quan, đơn vị)

Họ và tên

*** Ghi chú:**

¹ Tên cơ quan, đơn vị báo cáo;

² Chữ viết tắt tên cơ quan, đơn vị báo cáo;

³ Địa danh hành chính và ngày, tháng, năm cơ quan, đơn vị ban hành báo cáo;

⁴ Nơi nhận báo cáo;

⁵ Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu;

⁶ Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành.

PHỤ LỤC 5

(Ban hành kèm theo Thông tư số **28** /2020/TT-BGTVT ngày **29** tháng **10** năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

PHỤ LỤC 5

**Mẫu đề cương báo cáo công tác bảo vệ môi trường
tại cảng hàng không, sân bay**

CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-...

....., ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO

**CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY**

Kính gửi: Bộ Giao thông vận tải

I. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường

1. Đánh giá về các nguồn gây ô nhiễm, tác động xấu lên môi trường, các loại hình chất thải đặc trưng và các vấn đề môi trường chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng.

2. Tình hình, kết quả thực hiện công tác quản lý nhà nước và hoạt động bảo vệ môi trường trong hàng không dân dụng bao gồm:

- Cơ cấu tổ chức bộ máy và nguồn lực bảo vệ môi trường; công tác đào tạo, tập huấn, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường;
- Tình hình xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường;
- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường;
- Các nội dung khác (nếu có).

3. Định hướng công tác bảo vệ môi trường trong năm tới và đề xuất, kiến nghị.

II. Số liệu báo cáo về môi trường

Số liệu báo cáo thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường về báo cáo công tác bảo vệ môi trường.

Nơi nhận:

.....;

.....;

Lưu: VT,.....

CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ
ký số của cơ quan, đơn vị)

Họ và tên

PHỤ LỤC 6

(Ban hành kèm theo Thông tư số **28** /2020 /TT-BGTVT ngày **29** tháng **10** năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

PHỤ LỤC I

Mẫu đề cương báo cáo tình hình thực hiện chế độ kỷ luật lao động đặc thù đối với nhân viên hàng không

TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày.....thángnăm.....

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ KỶ LUẬT LAO ĐỘNG
ĐẶC THÙ ĐỐI VỚI NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

I. Nội dung báo cáo

1. Tình hình vi phạm kỷ luật lao động đặc thù của nhân viên hàng không tại đơn vị trong kỳ báo cáo.

2. Số lượng, tỷ lệ so với tổng số nhân viên hàng không, xu hướng tăng, xu hướng giảm trong kỳ báo cáo và so với kỳ báo cáo năm trước.

- Số nhân viên hàng không có hành vi vi phạm.

- Hoàn cảnh, tình huống khi nhân viên hàng không có hành vi vi phạm.

- Nguyên nhân vi phạm.

3. Tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi vi phạm.

4. Biện pháp, giải pháp khắc phục hậu quả, bài học kinh nghiệm.

6. Kết quả xử lý kỷ luật lao động đặc thù đối với nhân viên hàng không có hành vi vi phạm (hình thức xử lý, áp dụng).

6. Các biện pháp, giải pháp để ngăn ngừa, giảm thiểu các hành vi vi phạm trong đơn vị (công tác quản lý, giám sát, đào tạo, huấn luyện, tuyên truyền, vận động nâng cao ý thức trách nhiệm hoặc các biện pháp hành chính...)

7. Đề xuất, kiến nghị.

I. Biểu mẫu báo cáo tổng hợp

1. Tình hình vi phạm kỷ luật lao động đặc thù của nhân viên hàng không tại đơn vị trong kỳ báo cáo.

| STT | Hành vi vi phạm | Số lượng | Hình thức xử lý áp dụng | | Ghi chú |
|-----|-----------------|----------|---|--|---------|
| | | | Tạm đình chỉ ngay công việc đang đảm nhận | Không sử dụng làm việc tại vị trí NVHK | |
| | | | | | |
| | | | | | |

2. Danh sách nhân viên hàng không vi phạm kỷ luật lao động đặc thù

| Số TT | Họ và tên | Chức danh, đơn vị, vị trí công việc | Hành vi vi phạm | Hình thức xử lý áp dụng | Ghi chú |
|-------|-----------|-------------------------------------|-----------------|-------------------------|---------|
| | | | | | |
| | | | | | |

Nơi nhận:

.....;

.....;

Lưu: VT,....

CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ
ký số của cơ quan, đơn vị)
Họ và tên

PHỤ LỤC 7

(Ban hành kèm theo Thông tư số **28** /2020/TT-BGTVT ngày **29** tháng **10** năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Mẫu số 3

Mẫu đề cương báo cáo tình hình thực hiện công tác bảo trì công trình hàng không năm...

TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:..... ,

ngày.....thángnăm.....

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO TRÌ
CÔNG TRÌNH HÀNG KHÔNG NĂM ...

Kính gửi: Bộ Giao thông vận tải

Đơn vị: Triệu đồng

| TT | Tên đơn vị | Số Quyết định phê duyệt hoặc Văn bản báo cáo Kế hoạch bảo trì công trình hàng không năm ... | Tổng dự toán | Bảo dưỡng công trình hàng không | Sửa chữa định kỳ | Sửa chữa đột xuất | Kiểm định chất lượng công trình hàng không | Quan trắc công trình hàng không | Dự phòng | Tổng kinh phí thực hiện | Mức độ hoàn thành (%) |
|----|------------|---|--------------|---------------------------------|------------------|-------------------|--|---------------------------------|----------|-------------------------|-----------------------|
| | | | | | | | | | | | |

Nơi nhận:

.....;

.....;

Lưu: VT,....

CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ ký số của cơ quan, đơn vị)

Họ và tên

PHỤ LỤC 8

(Ban hành kèm theo Thông tư số **28** /2020/TT-BGTVT ngày **29** tháng **10** năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

PHỤ LỤC 3a

Mẫu đề cương báo cáo kết quả thực hiện hoạt động đào tạo, huấn luyện an ninh hàng không năm.....

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ¹ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-...²

...³..., ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện hoạt động đào tạo, huấn luyện an ninh hàng không năm.....

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN AN NINH HÀNG KHÔNG NĂM.....

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối với hoạt động đào tạo, huấn luyện an ninh hàng không.
2. Hoạt động đào tạo, huấn luyện an ninh hàng không đã triển khai:
 - a) Công tác thực hiện đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện lực lượng kiểm soát an ninh hàng không, huấn luyện kiến thức an ninh hàng không:
 - b)Việc xây dựng, cập nhật, ban hành chương trình đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện lực lượng kiểm soát an ninh hàng không, huấn luyện kiến thức an ninh hàng không.
 - c)Việc biên soạn, thẩm định giáo trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện lực lượng kiểm soát an ninh hàng không, huấn luyện kiến thức an ninh hàng không.
 - d) Các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo, huấn luyện an ninh hàng không; bồi dưỡng, cập nhật kiến thức an ninh hàng không, kiến thức pháp luật, kỹ năng giảng dạy cho giáo viên giảng dạy an ninh hàng không.
 - đ) Danh sách giáo viên giảng dạy lực lượng kiểm soát an ninh hàng không
 - e) Công tác lưu trữ hồ sơ đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện an ninh hàng không
3. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:
 - a) Tồn tại, hạn chế
 - b) Nguyên nhân

4. Đánh giá chung:

II. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT:.....

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN AN NINH HÀNG KHÔNG NĂM.....

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối với hoạt động đào tạo, huấn luyện an ninh hàng không.

2. Kế hoạch hoạt động đào tạo, huấn luyện an ninh hàng không.

Nơi nhận:

-⁴;
 -⁵;
 -⁶;
 Lưu: VT, ...⁵ ...⁶.

CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

*(Chữ ký của người có thẩm quyền,
 dấu/chữ ký số của cơ quan, đơn vị)*

Họ và tên

*** Ghi chú:**

¹ Tên cơ quan, đơn vị báo cáo;

² Chữ viết tắt tên cơ quan, đơn vị báo cáo;

³ Địa danh hành chính và ngày, tháng, năm cơ quan, đơn vị ban hành báo cáo;

⁴ Nơi nhận báo cáo;

⁵ Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu;

⁶ Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành.

PHỤ LỤC 9

(Ban hành kèm theo Thông tư số **28** /2020/TT-BGTVT ngày **29** tháng **10** năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

PHỤ LỤC 3b

Mẫu đề cương báo cáo kết quả công tác huấn luyện kiến thức an ninh hàng không năm

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ¹ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-...²

...³..., ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO

Kết quả công tác huấn luyện kiến thức an ninh hàng không năm.....

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC HUẤN LUYỆN KIẾN THỨC AN NINH HÀNG KHÔNG NĂM.....

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác huấn luyện kiến thức an ninh hàng không.
2. Hoạt động huấn luyện kiến thức an ninh hàng không đã triển khai:
 - a) Việc triển khai huấn luyện kiến thức an ninh hàng không cho nội bộ đơn vị (kể cả huấn luyện hàng nguy hiểm cho nhân viên kiểm soát ANHK liên quan đến việc vận chuyển hàng nguy hiểm); việc bố trí cho nhân viên tham dự các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện an ninh hàng không theo quy định.
 - b) Việc lập danh sách giáo viên giảng dạy kiến thức an ninh hàng không và xây dựng giáo trình huấn luyện kiến thức an ninh hàng không.
 - c) Việc triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo, huấn luyện an ninh hàng không; bồi dưỡng, cập nhật kiến thức an ninh hàng không, kiến thức pháp luật, kỹ năng giảng dạy cho giáo viên giảng dạy an ninh hàng không.
 - d) Việc phối hợp với doanh nghiệp, đơn vị đáp ứng các quy định về giáo viên, giáo trình tổ chức các khóa huấn luyện kiến thức an ninh hàng không cho doanh nghiệp, đơn vị mình.
 - đ) Công tác lưu trữ hồ sơ huấn luyện kiến thức an ninh hàng không.
3. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:
 - a) Tồn tại, hạn chế
 - b) Nguyên nhân

4. Đánh giá chung:.....

II. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT:.....

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CÔNG TÁC HUẤN LUYỆN KIẾN THỨC AN NINH HÀNG KHÔNG NĂM.....

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác huấn luyện kiến thức an ninh hàng không.
2. Kế hoạch công tác huấn luyện kiến thức an ninh hàng không.

Nơi nhận:

-⁴;
 -⁵;
 -⁶;
 Lưu: VT, ...⁵ ...⁶.

CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

*(Chữ ký của người có thẩm quyền,
 dấu/chữ ký số của cơ quan, đơn vị)*

Họ và tên

*** Ghi chú:**

- ¹ Tên cơ quan, đơn vị báo cáo;
- ² Chữ viết tắt tên cơ quan, đơn vị báo cáo;
- ³ Địa danh hành chính và ngày, tháng, năm cơ quan, đơn vị ban hành báo cáo;
- ⁴ Nơi nhận báo cáo;
- ⁵ Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu;
- ⁶ Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành.

PHỤ LỤC 10

(Ban hành kèm theo Thông tư số **28** /2020/TT-BGTVT ngày **29** tháng **10** năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

PHỤ LỤC XXVIII

Mẫu đề cương báo cáo công tác quản lý thiết bị an ninh hàng không năm.....

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ¹ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-...² ...³ ..., ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO

Công tác quản lý thiết bị an ninh hàng không năm.....

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC QUẢN LÝ THIẾT BỊ AN NINH HÀNG KHÔNG NĂM...

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác quản lý thiết bị an ninh hàng không.
2. Thống kê số liệu thiết bị an ninh hàng không:
 - a) Phân loại về số lượng, chất lượng, thiết bị an ninh hàng không.
 - b) Cập nhật, bổ sung mới thiết bị an ninh hàng không.
 - c) Thiết bị an ninh hàng không bị hư hỏng.
 - d) Thiết bị an ninh hàng không bị tiêu hủy.
3. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:
 - a) Tồn tại, hạn chế
 - b) Nguyên nhân
4. Đánh giá chung:.....

II. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT:.....**III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CÔNG TÁC QUẢN LÝ THIẾT BỊ AN NINH HÀNG KHÔNG NĂM.....**

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác quản lý thiết bị an ninh hàng không.
2. Công tác duy trì, bảo dưỡng, bổ sung, tiêu hủy thiết bị an ninh hàng không

Nơi nhận:

.....⁴
.....⁵
Lưu: VT,.....⁶

CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu/chữ ký số của cơ quan, đơn vị)
Họ và tên

PHỤ LỤC 11

(Ban hành kèm theo Thông tư số **28** /2020 /TT-BGTVT ngày **29** tháng **10** năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

PHỤ LỤC XXIX

Mẫu đề cương báo cáo công tác quản lý vũ khí, công cụ hỗ trợ và đào tạo, huấn luyện về bảo quản, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ năm.....

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ¹ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-...² ...³ ..., ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO

Công tác quản lý vũ khí, công cụ hỗ trợ và đào tạo, huấn luyện về bảo quản, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ năm.....

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC QUẢN LÝ VŨ KHÍ, CÔNG CỤ HỖ TRỢ NĂM.....

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác quản lý vũ khí, công cụ hỗ trợ
2. Thống kê số liệu vũ khí, công cụ hỗ trợ:
 - a) Phân loại về số lượng, chất lượng vũ khí.
 - b) Phân loại về số lượng, chất lượng công cụ hỗ trợ.
 - c) Cập nhật, bổ sung mới vũ khí.
 - d) Cập nhật, bổ sung mới công cụ hỗ trợ.
 - đ) Vũ khí bị hư hỏng, tiêu hủy.
 - e) Công cụ hỗ trợ bị hư hỏng, tiêu hủy.

II. KẾT QUẢ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN VỀ BẢO QUẢN, SỬ DỤNG VŨ KHÍ, CÔNG CỤ HỖ TRỢ NĂM.....

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác đào tạo, huấn luyện về bảo quản, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ
2. Thống kê đào tạo, huấn luyện về bảo quản, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ:
 - a) Đào tạo, huấn luyện về bảo quản, sử dụng vũ khí; cấp giấy phép sử dụng vũ khí cho lực lượng ANHK
 - b) Đào tạo, huấn luyện về bảo quản, sử dụng công cụ hỗ trợ; cấp giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ cho lực lượng ANHK.

III. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN:

1. Tôn tại, hạn chế

2. Nguyên nhân

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG:.....

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT:.....

VI. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CÔNG TÁC QUẢN LÝ VŨ KHÍ, CÔNG CỤ HỖ TRỢ VÀ ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN VỀ BẢO QUẢN, SỬ DỤNG VŨ KHÍ, CÔNG CỤ HỖ TRỢ NĂM.....

1. Công tác quản lý vũ khí, công cụ hỗ trợ

2. Công tác đào tạo, huấn luyện về bảo quản, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ.

Nơi nhận:

-⁴;

-⁵;

Lưu: VT, ...⁵ ...⁶.

CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ ký số của cơ quan, đơn vị)

Họ và tên

*** Ghi chú:**

¹ Tên cơ quan, đơn vị báo cáo;

² Chữ viết tắt tên cơ quan, đơn vị báo cáo;

³ Địa danh hành chính và ngày, tháng, năm cơ quan, đơn vị ban hành báo cáo;

⁴ Nơi nhận báo cáo;

⁵ Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu;

⁶ Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành.

PHỤ LỤC 12

(Ban hành kèm theo Thông tư số **28** /2020 /TT-BGTVT ngày **29** tháng **10** năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

PHỤ LỤC XXX

Mẫu đề cương báo cáo kết quả thực hiện công tác kiểm soát chất lượng an ninh hàng không năm.....

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ¹ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-...²

...³..., ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác kiểm soát chất lượng an ninh hàng không năm.....

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG AN NINH HÀNG KHÔNG NĂM.....

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác kiểm soát chất lượng an ninh hàng không.

2. Hoạt động kiểm soát chất lượng an ninh hàng không đã triển khai:

a) Thanh tra an ninh hàng không:

b) Kiểm tra an ninh hàng không toàn diện:

c) Kiểm tra an ninh hàng không hạn chế:

d) Điều tra an ninh hàng không:

đ) Thử nghiệm an ninh hàng không công khai:

e) Thử nghiệm an ninh hàng không bí mật:

g) Khảo sát an ninh hàng không:

h) Đánh giá an ninh hàng không:

i) Công tác lưu trữ hồ sơ hoạt động kiểm soát chất lượng an ninh hàng không.

3. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:

a) Tồn tại, hạn chế

b) Nguyên nhân

4. Đánh giá chung:.....

II. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT:.....

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CÔNG TÁC KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG AN NINH HÀNG KHÔNG NẴM.....

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác kiểm soát chất lượng an ninh hàng không.

2. Kế hoạch hoạt động kiểm soát chất lượng an ninh hàng không.

Nơi nhận:

-⁴;

-⁵;

Lưu: VT,.....⁵.....⁶.

CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ ký số của cơ quan, đơn vị)

Họ và tên

*** Ghi chú:**

¹ Tên cơ quan, đơn vị báo cáo;

² Chữ viết tắt tên cơ quan, đơn vị báo cáo;

³ Địa danh hành chính và ngày, tháng, năm cơ quan, đơn vị ban hành báo cáo;

⁴ Nơi nhận báo cáo;

⁵ Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu;

⁶ Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành.

